Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* □)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng □

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị, quản lý (Hệ thống thông tin quản lý)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đỗ Quang Hưng

2. Ngày tháng năm sinh: 21/10/1979; Nam ☑ ; Nữ □ ; Quốc tịch: Việt nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Văn Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 9, ngách 243/3, đường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Đỗ Quang Hưng, số nhà 9, ngách 243/3, Tổ dân phố 15, đường Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0912.222.392; E-mail: hungdq@utt.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2002 đến năm 2010, Giảng viên, Đại học Công nghệ GTVT

Từ năm 2010 đến năm 2014, Nghiên cứu sinh, Trợ giảng, Đại học Feng Chia, Đài Loan

Từ năm 2014 đến năm 2018, Giảng viên, Đại học Công nghệ GTVT

Từ năm 2018 đến nay, Giảng viên chính, Đại học Công nghệ GTVT

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải

Địa chỉ cơ quan: Số 54, Triều Khúc, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan 0243.854 4264

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 06 năm 2002, ngành: Điện tử

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 02 năm 2005, chuyên ngành: Kỹ thuật thông tin

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng Tiến Sĩ tháng 06 năm 2014, chuyên ngành: Kỹ thuật công nghiệp và quản lý các hệ thống (Định hướng: Hệ thống thông tin quản lý)

Văn bằng Tiến sĩ được Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận theo số đăng ký 008572/CNVB-TS do Cục trưởng ký ngày 19/02/2019

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Feng Chia, Đài Loan

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thương mại

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu thứ nhất: Nghiên cứu và ứng dụng các kỹ thuật ra quyết định đa tiêu chí kết hợp với logic mờ. Ra quyết định trong các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp là một công việc thường xuyên và phức tạp. Việc ra quyết định càng khó khăn và phức tạp hơn khi quyết định đó cần phải đạt được nhiều tiêu chí và có nhiều người cùng tham gia vào quá trình ra quyết định. Một quyết định tốt, chính xác là một quyết định có thể tổng hợp tối đa kiến thức, trí tuệ của những người tham gia quyết định; đồng thời kết quả của quá trình ra quyết định theo nhóm cũng cần phải minh bạch, khách quan và dễ dàng giải thích với các bên liên quan. Do đó, ra quyết định đa tiêu chí (Multiple Criteria Decision Making - MCDM hay Multiple Attribute Decision Making - MADM) là một lĩnh vực nghiên cứu trong khoa học quản lý được nhiều nhà khoa học quan tâm. Hiện nay có một số kỹ thuật ra quyết định đa tiêu chí như: Analytic Hierarchy Process (AHP), Technique for Order Preference by Similarity to Ideal Solution (TOPSIS), Preference Ranking Organization MEthod for Enrichment Evaluation (PROMETHEE), và ELimination and Choice Tanslating REality (ELECTRE).

Tuy nhiên, trong quá trình thu thập dữ liệu đầu vào phục vụ cho việc ra quyết định có rất nhiều dữ liệu có thể được coi là dữ liệu mờ (fuzzy data). Thực tiễn cho thấy, trong khi đánh giá hoặc nhận xét về một sự vật, hiện tượng; các thuật ngữ như: "Chưa tốt"; "Tốt"; "Rất tốt"; "Trung bình", … được sử dụng rất thường xuyên nhưng chuẩn đánh giá của mỗi cá nhân lại khác nhau. Dữ liệu không rõ ràng, nhất quán như vậy có thể coi như là dữ liệu mờ. Việc xử liệu các dữ liệu mờ như vậy cần các số mờ (fuzzy numbers) thay cho các số rõ (crisp numbers). Do đó, hướng nghiên cứu thứ nhất của tôi là ***nghiên cứu ứng dụng và tích hợp logic mờ trong các quy trình ra quyết định nhóm đa tiêu chí*** nhằm nâng cao chất lượng của quyết định.

Hướng nghiên cứu thứ hai: Nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các kỹ thuật học máy trong các bài toán kinh tế và quản lý. Việc dự đoán giá cả, dự đoán quyết định, xu hướng, hành vi của khách hàng, dự đoán xu hướng biến động của VNINDEX và một số mặt hàng chủ chốt như dầu thô, kim loại quý thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà kinh tế, nhà quản lý, nhà đầu tư và nhà hoạch định chính sách. Do sự biến động của các chỉ số và mặt hàng trên có tác động lớn đến nền kinh tế của mỗi quốc gia cũng như thế giới. Thông tin và kết quả của các hoạt động dự báo này được sử dụng như là đầu vào cho việc điều hành, quản lý, đưa ra các chính sách kinh tế hoặc quyết định của các nhà đầu tư. Các công cụ truyền thống được sử dụng phổ biến là các mô hình và kỹ thuật toán thống kê như Autoregressive Integrated Moving Average (ARIMA), Generalized Autoregressive Conditional Heteroskedasticity (GARCH) và Seasonal Autoregressive Integrated Moving Average (SARIMA). Trong những năm gần đây, các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo (học máy, học sâu) đang được sử dụng rất nhiều trong các lĩnh vực nghiên cứu và đời sống xã hội. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo cho kết quả dự báo tốt hơn so với các kỹ thuật thống kê truyền thống. Do đó, ***nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giải quyết các bài toán kinh tế và quản lý*** là hướng nghiên cứu thứ hai của tôi. Việc sử dụng các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo sẽ nâng cao chất lượng của dữ báo và cung cấp các thông tin hữu ích cho nhà quản lý.

Cả hai hướng nghiên cứu trên của tôi đều đã đạt được những kết quả nhất định như được thể hiện trong các công trình khoa học đã công bố. Điển hình như công trình "Evaluating teaching performance based on fuzzy AHP and comprehensive evaluation approach" đăng trên tạp chí SCI-E; Applied Soft Computing 28, 100-108, năm 2015) có số lượt trích dẫn là 254 theo Google Scholar. Một số công trình khác như dự báo kết quả học tập của sinh viên, đánh giá hiệu quả hoạt động trường đại học, đánh giá, xếp hạng các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động ngành du lịch Việt Nam đều có chỉ số trích dẫn cao trên Google Scholar và SCOPUS. Một số nghiên cứu của tôi trên trang Google Scholar cá nhân (https://scholar.google.com/citations?user=XgdZFFwAAAAJ&hl=en) và trang SCOPUS cá nhân (https://www.scopus.com/authid/detail.uri?authorId=55848958700)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành 02 đề tài (chủ nhiệm) NCKH cấp Cơ sở;

- Đã hoàn thành 01 đề tài (chủ nhiệm) NCKH cấp Hội đồng khoa học quốc gia Đài Loan và 01 đề tài cấp Bộ Khoa học và Công nghệ Đài Loan;

- Đã công bố (số lượng) 53 bài báo KH, trong đó 38 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín trong danh mục ISI (SCIE, ESCI) và SCOPUS;

- Số lượng sách đã xuất bản 05 thuộc các nhà xuất bản có uy tín; Số lượng chương sách đã xuất bản 03 thuộc các nhà xuất bản uy tín.

- Ứng viên Đỗ Quang Hưng có:

h-index:12, số trích dẫn 673 (theo Google Scholar, ngày 10/07/2021: https://scholar.google.com/citations?user=XgdZFFwAAAAJ&hl=en);

h-index: 9, số trích dẫn: 420 (theo SCOPUS, ngày 10/07/2021: https://www.scopus.com/authid/detail.uri?authorId=55848958700).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2020

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải do đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017-2018 (Quyết định số 2405/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2018)

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo do đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước ngành Giáo dục giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 2681/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 09 năm 2020)

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải do đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1909/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2020)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của giảng viên và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của người giảng viên; cụ thể như sau:

* Về tiêu chuẩn của nhà giáo:

- Có phẩm chất, đạo đức tốt;

- Đạt trình độ chuẩn về chuyên môn giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm;

- Đủ sức khỏe để giảng dạy và công tác theo yêu cầu của nghề nghiệp;

- Gương mẫu trong việc thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và quy chế, nội quy của cơ quan.

* Về thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo:

- Giáo dục và giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình đào tạo của Nhà trường;

- Ứng viên luôn có hành vi ứng xử đúng chuẩn mực của nhà giáo đối với người học, luôn tôn trọng và khuyến khích sự sáng tạo và chủ động của người học, luôn tu dưỡng đạo đức của nhà giáo để làm gương tốt cho người học;

- Ứng viên luôn tự trau dồi kỹ năng nghiên cứu, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Ứng viên luôn tham gia đầy đủ, tích cực và các phong trào do Nhà trường và địa phương phát động;

Đối chiếu với các tiêu chuẩn, tôi tự xét thấy bản thân đạt tiêu chuẩn PGS.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 10 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016				0	360		360/360/270
2	2016-2017				0	540		540/540/270
3	2017-2018				0	495		495/495/270
3 năm học cuối								
4	2018-2019			2	4	540		540/640/270
5	2019-2020				5	330		330/455/270
6	2020-2021				6	360		360/510/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT *ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.*

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑ :

- Học ĐH □; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS □ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH □;

Tại nước: Đài Loan, năm 2014; Học tập và bảo vệ luận án TS bằng Tiếng Anh

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☑:

- Trường ĐH Ngoại ngữ (nay là Đại học Hà Nội) cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ ngành Tiếng Anh (và công nhận danh hiệu cử nhân ngoại ngữ) số bằng: B306623; năm cấp: 2005

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☑:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh (Môn Optimization Theory tại Khoa Kỹ thuật công nghiệp và quản lý các hệ thống)

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Feng Chia, Đài Loan

d) Đối tượng khác □; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ .... đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Dương Đức Tuấn		X	X		Từ 01/11/2018 đến 02/5/2019	Trường Đại học Trưng Vương	2020 (Quyết định số 350/QĐ – ĐHTV ngày 13/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trưng Vương)
2	Kim Thị Thu		X	X		Từ 01/11/2018 đến 02/5/2019	Trường Đại học Trưng Vương	2020 (Quyết định số 350/QĐ – ĐHTV ngày 13/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trưng Vương)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

Sau khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Using artificial intelligence to predict academic performance (ISBN: 978-	CK	LAP LAMBERT Academic Publishing, 2015 (available on Amazon: https://www.amazon.com/artificial-intelligence-predict-academic-performance/dp/3659779792)	1	X		Giấy xác nhận số 2494/CV-ĐHCNGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	365-977-979-4)						
2	A Novel Research for an Innovative Cover Shape Design of Machine Tools (ISBN: 978-620-200-805-1)	CK	LAP LAMBERT Academic Publishing, 2017 (available on Amazon: https://www.amazon.com/Novel-Research-Innovative-Design-Machine/dp/6202008059)	1	X		Giấy xác nhận số 2494/CV-ĐHCNGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT
3	Giáo trình Lý thuyết thông tin (ISBN: 978-604-913-767-9)	GT	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2018	3	X	Chương 1: trang 9-34, chương 2; từ trang 35-52	Quyết định xuất bản số 64/QĐ-KHTNCN; Giấy xác nhận số 2493/CV-ĐHCNGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT
4	Giáo trình Lập trình hướng đối tượng C++ (ISBN: 978-604-913-766-2)	GT	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2018	3	X	Chương 1: trang 11-30; Chương 7,: trang 207-218; Chương 8: trang 219-242	Quyết định xuất bản số 53/QĐ-KHTNCN; Giấy xác nhận số 2493/CV-ĐHCNGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT
5	Artificial Neural Network Applications in Business and Engineering (edited book)	CK	Nhà xuất bản IGI Global DOI: 10.4018/978-1-7998-3238-6 ISBN13: 9781799832386, ISBN10: 1799832384, EISBN13: 9781799832409, ISBN13 Softcover: 9781799832393, 2021 https://www.igi-global.com/book/artificial-neural-network-applications-business/240817		X		Giấy xác nhận số 2494/CV-ĐHCNGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT
6	Group multiple criteria decision making based on the fuzzy AHP approach	Chương sách	Nhà xuất bản IGI Global Encyclopedia of Business Analytics and Optimization, pp. 1100-1106, 2014 ISBN13: 9781466652026|ISBN10: 1466652020|EISBN13: 9781466652033 https://www.igi-global.com/chapter/group-mcdm-based-on-the-fuzzy-ahp-approach/107308	2	Tác giả đầu		Giấy xác nhận số 2492/CV-ĐHCNGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT
7	A Hybrid Gravitational Search Algorithm and Back-Propagation for Training	Chương sách	Nhà xuất bản Springer Knowledge and Systems Engineering, Advances in Intelligent Systems and Computing 326, pp. 381-392, 2014 ISBN: 978-3-319-11680-8 https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-319-11680-8_30	1	X		Giấy xác nhận số 2492/CV-ĐHCNGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	Feedforward Neural Networks		SCOPUS Q3, ISI				
8	Development of MI-ANFIS-BBO Model for Forecasting Crude Oil Price	Chương sách	Nhà xuất bản Springer Reliability and Statistical Computing, pp 167-191, 2020 ISBN: 978-3-030-43412-0 https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-43412-0_11 SCOPUS Q2, ISI	1	X		Giấy xác nhận số 2492/CV-ĐHCNGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau TS: 8

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

Trước khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Applications of fuzzy AHP, fuzzy neural networks, and fuzzy DEA to evaluate university performance (ĐT)	CN	NSC 101-2221-E-035-034/ National Science Council of Taiwan (Hội đồng khoa học quốc gia Đài Loan)	2012-2013	08/2013
2	Determining the relative weights of evaluation criteria based on Fuzzy AHP (ĐT)	CN	MOST 102-2221-E-035-040/ Ministry of Science and Technology of Taiwan (Bộ Khoa học và Công nghệ Đài Loan)	2013-2014	08/2014

Sau khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả công việc của cá nhân và tập thể (KPI) tại trường Đại học Đại Nam	CN	8SĐH1920-02	2019-2020	10/11/2020, Xếp loại: Tốt
2	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật trí tuệ nhân tạo trong dự báo hành vi lựa chọn sản phẩm nội địa của khách hàng Việt Nam	CN	DT192030	2019-2020	04/11/2020, Xếp loại: A

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

Trước khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
Bài báo trong danh mục tạp chí ISI/SCOPUS								
1	An evaluation of teaching performance: the fuzzy AHP and comprehensive evaluation approach	2	First author	WSEAS Transactions on Information Science and Applications Print ISSN: 1790-0832 E-ISSN: 2224-3402 https://www.wseas.org/multimedia/journals/information/2013/035709-204.pdf	SCOPUS (Scopus coverage years:from 2005 to 2014)	11	Vol. 10, 90-99	2013
2	Evaluating faculty staff: an application of group MCDM based on the fuzzy AHP approach	2	First author	International Journal of Information and Management Sciences ISSN: 1017-1819 http://ijims.ms.tku.edu.tw/main.php	SCOPUS Q3	1	Vol. 24, pp. 131-150	2013
3	A neuro-fuzzy approach in the classification of students' academic performance	2	First author	Computational Intelligence and Neuroscience ISSN: 1687-5265 (Print) ISSN: 1687-5273 (Online) https://www.hindawi.com/journals/cin/2013/179097/ https://doi.org/10.1155/2013/179097	SCIE, IF= 2.284; SCOPUS, Q1	53	Vol. 2013	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
4	Prioritizing the factor weights affecting tourism performance by FAHP	2	First author	International Journal of Engineering Business Management ISSN: 1847-9790 Online ISSN: 1847-9790 https://journals.sagepub.com/doi/10.5772/57141 https://doi.org/10.5772/57141	ESCI/ISI; SCOPUS, Q2	32	Vol. 5	2013
5	A comparative study of hierarchical ANFIS and ANN in predicting student academic performance	2	First author	WSEAS Transactions on Information Science and Applications Print ISSN: 1790-0832 E-ISSN: 2224-3402 http://www.wseas.us/e-library/transactions/information/WSEAS-Transactions-on-Information-Science-and-Applications2013.pdf	SCOPUS (Scopus coverage years:from 2005 to 2014)	14	Vol. 10, No. 12, pp. 396-405	2013
6	Training neural networks to predict student academic performance: A comparison of cuckoo search and gravitational search algorithms	2		International Journal of Computational Intelligence and Applications ISSN (print): 1469-0268 ISSN (online): 1757-5885 https://www.worldscientific.com/doi/abs/10.1142/S1469026814500059 https://doi.org/10.1142/S1469026814500059	ESCI/ISI; SCOPUS Q3	21	Vol. 13/ No. 01	2014
Bài báo trong tạp chí quốc tế (tiếng Anh)								
7	Establishing the Index System for Sustainable Urban Transport Project Selection: an Application of Group MCDM based on the Fuzzy AHP Approach	2	First author	International Journal of Business and Management Invention ISSN (Online): 2319-8028 ISSN (Print): 2319-801X https://www.ijbmi.org/v2i6(version1).html		3	Vol. 2, No 6., pp. 47-57	2013
Bài báo trong tạp chí trong nước								
8	Mật mã lượng tử – một hướng mới trong bảo mật	1	X	Tạp chí Bưu chính viễn thông & Công nghệ thông tin (nay là tạp chí Công nghệ thông tin & truyền thông) ISSN: 0866-7039			Số tháng 9, 43-45	2005

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
9	Ứng dụng hệ mật dựa trên đường cong Elliptic	1	X	Tạp chí Bưu chính viễn thông & Công nghệ thông tin (nay là tạp chí Công nghệ thông tin & truyền thông) ISSN: 0866-7039			Số tháng 12, 37-39	2005
10	Giấu thông tin trong IP	1	X	Tạp chí Bưu chính viễn thông & Công nghệ thông tin (nay là tạp chí Công nghệ thông tin & truyền thông) ISSN: 0866-7039			Số tháng 9, 15-17	2006
11	Hệ mật mã elliptic sử dụng hệ thống số RNS	3	Tác giả đầu	Tạp chí Khoa học & Công nghệ các trường Đại học kỹ thuật ISSN: 0868-3980			75, 7-11	2010

Sau khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
Bài báo trong danh mục tạp chí ISI/SCOPUS								
12	A Hybrid Fuzzy AHP-DEA Approach for Assessing University Performance	2	First author	WSEAS Transactions on Business & Economics Print ISSN: 1109-9526 E-ISSN: 2224-2899 https://www.wseas.org/multimedia/journals/economics/2014/a345707-188.pdf	SCOPUS Q2	15	Vol. 11, pp. 386-397	2014
13	Predicting Student Academic Performance: A Comparison of Two Meta-Heuristic Algorithms Inspired by Cuckoo Birds for Training Neural Networks	3	Corresponding author	Algorithms ISSN 1999-4893 https://www.mdpi.com/1999-4893/7/4/538 https://doi.org/10.3390/a7040538	ESCI/ISI; SCOPUS Q2	27	Vol. 7, No. 4, pp. 538-553	2014
14	Forecasting Hoabinh Reservoir's Incoming Flow: An Application of Neural Networks with the Cuckoo Search Algorithm	3	Corresponding author	Information ISSN 2078-2489 https://www.mdpi.com/2078-2489/5/4/570 https://doi.org/10.3390/info5040570	ESCI/ISI; SCOPUS, Q2	4	5, 4, 570-586	2014
15	A cooperative Cuckoo Search–hierarchical adaptive neuro-fuzzy inference system approach for predicting student academic performance	2		Journal of Intelligent and Fuzzy Systems ISSN 1064-1246 (P) ISSN 1875-8967 (E)	SCIE, IF=1.637; SCOPUS, Q1	19	27, 5, 2551-2561	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
				https://content.iospress.com/articles/journal-of-intelligent-and-fuzzy-systems/ifs1229 DOI: 10.3233/IFS-141229				
16	Evaluating teaching performance based on fuzzy AHP and comprehensive evaluation approach	3	Corresponding author	Applied Soft Computing ISSN: 1568-4946 https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S1568494614006152 https://doi.org/10.1016/j.asoc.2014.11.050	SCIE, IF=4.873; SCOPUS, Q1	256	28, 100-108	2015
17	Prediction of student academic performance using an ANFIS approach	2		International Journal of Information and Management Sciences ISSN: 1017-1819 http://ijims.ms.tku.edu.tw/main.php	SCOPUS, Q3	2	25, 4, 371-389	2014
18	Applying TRIZ and Fuzzy AHP Based on Lean Production to Develop an Innovative Design of a New Shape for Machine Tools	3		Information ISSN 2078-2489 https://www.mdpi.com/2078-2489/6/1/89 https://doi.org/10.3390/info6010089	ESCI/ISI; SCOPUS, Q2	13	6, 1, 89-110	2015
19	Training Artificial Neural Networks by a Hybrid PSO-CS Algorithm	3	Corresponding author	Algorithms ISSN 1999-4893 https://www.mdpi.com/1999-4893/8/2/292/htm https://doi.org/10.3390/a8020292	ESCI/ISI; SCOPUS, Q2	49	8, 292-308	2015
20	A Creative Research Based on DANP and TRIZ for an Innovative Cover Shape Design of Machine Tools	3	Corresponding author	Journal of Engineering Design (CJEN) ISSN: 1466-1837 https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/09544828.2016.1272100 https://doi.org/10.1080/09544828.2016.1272100	SCI, IF=2.32; SCOPUS, Q1	8	28, 2	2017
21	Forecasting Monthly Electricity Demands: An Application of Neural Networks Trained by Heuristic Algorithms	3	Corresponding author	Information ISSN 2078-2489 https://www.mdpi.com/2078-2489/8/1/31	ESCI/ISI; SCOPUS, Q2	26	8, 1	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
				https://doi.org/10.3390/info8010031				
22	Forecasting Monthly Electricity Demands by Wavelet Neuro-Fuzzy System Optimized by Heuristic Algorithms	4	Corresponding author	Information ISSN 2078-2489 https://www.mdpi.com/2078-2489/9/3/51 https://doi.org/10.3390/info9030051	ESCI/ISI; SCOPUS, Q2	15	9, 3	2018
23	A Case Study of Vietnamese Workers in Taiwan: Determinants and their Impacts on Job Satisfaction	4		International Journal of Applied Business and Economic Research ISSN: 0972-7302 https://www.serialsjournals.com/index.php?route=product/product&product_id=343	SCOPUS (Scopus coverage years: from 2008 to 2017)		15, 22, 111-126	2017
24	Forecasting Short-term Traffic Flow by Fuzzy Wavelet Neural Network with Parameters Optimized by Biogeography-Based Optimization Algorithm	3	Corresponding author	Computational Intelligence and Neuroscience ISSN: 1687-5265 (Print) ISSN: 1687-5273 (Online) https://www.hindawi.com/journals/cin/2018/5469428/ https://doi.org/10.1155/2018/5469428	SCIE, IF=2.154; SCOPUS, Q1	10	Vol. 2018	2018
25	Application of Fuzzy Analytic Hierarchy Process in Prioritizing and Ranking Critical Success Factors of Innovation Startups	3	Corresponding author	WSEAS Transactions on Business and Economics Print ISSN: 1109-9526 E-ISSN: 2224-2899 https://www.wseas.org/multimedia/journals/economics/2019/a525107-736.pdf	SCOPUS Q4		16, 261-270	2019
26	Entrepreneurial human capital, role models, and fear of failure and start-up perception of feasibility among adults in Vietnam	3	Corresponding author	International Journal of Engineering Business Management SSN: 1847-9790 Online ISSN: 1847-9790 https://journals.sagepub.com/doi/full/10.1177/1847979019873269 DOI: 10.1177/1847979019873269	ESCI/ISI; SCOPUS, Q3	9	10	2019
27	Understanding consumer satisfaction with railway transportation service: An application of 7Ps marketing mix	2	First author	Management Science Letters ISSN 1923-9343 (Online) ISSN 1923-9335 (Print)	SCOPUS (Scopus coverage years:fro	5	10, 6, 1341-1350	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
				http://growingscience.com/beta/msl/3600-understanding-consumer-satisfaction-with-railway-transportation-service-an-application-of-7ps-marketing-mix.html doi: 10.5267/j.msl.2019.11.023	m 2017 to 2020)			
28	Forecasting Vietnamese stock index: A comparison of hierarchical ANFIS and LSTM	2	First author	Decision Science Letters ISSN 1929-5812 (Online) ISSN 1929-5804 (Print) http://growingscience.com/beta/dsl/3657-forecasting-vietnamese-stock-index-a-comparison-of-hierarchical-anfis-and-lstm.html DOI: 10.5267/j.dsl.2019.11.002	SCOPUS Q3	4	9, 2, 193-206	2020
29	Predicting primary commodity prices in the international market: an application of group method of data handling neural network	2	First author	Journal of Management Information and Decision Science Print ISSN: 1524-7252 Online ISSN: 1532-5806 https://www.abacademies.org/articles/predicting-primary-commodity-prices-in-the-international-market-an-application-of-group-method-of-data-handling-neural-network-8755.html	SCOPUS Q2	3	22, 4	2019
30	Relationships between students' work values and entrepreneurial intention among Vietnamese students	3		Academy of Entrepreneurship Journal Print ISSN: 1524-7252 Online ISSN: 1532-5806 https://www.abacademies.org/articles/relationships-between-students-work-values-and-entrepreneurial-intention-among-vietnamese-students-8985.html	SCOPUS Q3	1	26, 1	2020
31	Importance of Knowledge to Entrepreneurial Activity: Empirical Evidence from Southeast Asian Nations	2	First author	WSEAS Transactions on Business and Economics Print ISSN: 1109-9526 E-ISSN: 2224-2899 https://www.wseas.org/multimedia/journals/economics/2020/a665107-933.pdf	SCOPUS Q4		17, pp. 317-324	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
				https://doi.org/10.37394/23207.2020.17.33				
32	An approach based on machine learning techniques for forecasting Vietnamese consumers' purchase behaviour	2	First author	Decision Science Letters ISSN 1929-5812 (Online) ISSN 1929-5804 (Print) http://growingscience.com/beta/dsl/3969-an-approach-based-on-machine-learning-techniques-for-forecasting-vietnamese-consumers-purchase-behaviour.html DOI: 10.5267/j.dsl.2020.5.004	SCOPUS, Q3	4	9,3,313-322	2020
33	The implementation of outcome-based education: Evidence from master program in economic management at Hanoi universities	3	Corresponding author	Management Science Letters ISSN 1923-9343 (Online) ISSN 1923-9335 (Print) http://www.growingscience.com/msl/msl_2020_186.pdf DOI: 10.5267/j.msl.2020.6.008	SCOPUS (Scopus coverage years:from 2017 to 2020)	3 (via Research gate)	Volume 10 Issue 14 pp. 3299-3306	2020
34	Factors Affecting Tax Compliance among Small- and Medium-sized Enterprises: Evidence from Vietnam	4	Corresponding author	The Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4637 EISSN: 2288-4645 http://www.jafeb.org/AboutUs/01.php	ESCI/ISI; SCOPUS Q3	4	Vol. 7 No. 7	2020
35	Critical Success Factors of TQM Implementation in Vietnamese Supporting Industries	2	Corresponding author	The Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4637 EISSN: 2288-4645 http://www.jafeb.org/AboutUs/01.php	ESCI/ISI; SCOPUS Q3	7	Vol. 7 No. 7	2020
36	Performance Evaluation of Vietnamese Apparel Enterprises: An Application of DEA Approach	3	Corresponding author	WSEAS Transactions on Business and Economics Print ISSN: 1109-9526 E-ISSN: 2224-2899 https://wseas.org/wseas/cms.action?id=23245	SCOPUS Q4		Vol. 18, 2021, Art. #1, pp. 1-9	2021
37	Factors affecting entrepreneurial intention among tourism undergraduate students in Vietnam	3	Corresponding author	Management Science Letters ISSN 1923-9343 (Online) ISSN 1923-9335 (Print)	SCOPUS (Scopus coverage years:fro		Vol. 10, Issue 15, pp. 3675-3682 , 2020	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
				http://www.growingscience.com/msl/msl_2020_204.pdf DOI: 10.5267/j.msl.2020.6.026	m 2017 to 2020)			
38	Forecasting Air Passenger Demand: A Comparison of LSTM and SARIMA	5	First author	Journal of Computer Science, https://doi.org/10.3844/jcssp.2020.1063.1084	SCOPUS, Q3		16(7), 1063-1084	2020
39	Factors Affecting Job Motivation among Faculty Members: Evidence from Vietnamese Public Universities	2	Corresponding author	The Journal of Asian Finance, Economics and Business DOI: https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no9.603	ESCI, SCOPUS	6	Vol.7, No.9 pp.603-611	2020
40	Prediction of Data Traffic in Telecom Networks based on Deep Neural Networks	5	First author	Journal of Computer Science https://doi.org/10.3844/jcssp.2020.1268.1277	SCOPUS, Q3		16(9), 1268-1277.	2020
41	Examining the Influence of Age and Gender on Entrepreneurship in Vietnam	2	First author	The Journal of Asian Finance, Economics and Business DOI:https://doi.org//jafeb.2020.vol7.no10.193	ESCI, SCOPUS	2 (via Research gate)	Vol. 7, No.10 pp.193-199	2020
42	The Mediating Role of Psychological Empowerment in the Relationship between Transformational Leadership and Employee Engagement: An Evidence from Vietnam	3	First author	WSEAS Transactions on Systems and Control ISSN / E-ISSN: 1991-8763 / 2224-2856 https://www.wseas.org/multimedia/journals/control/2020/b305107-994.pdf	SCOPUS, Q3		Vol. 15, 2020, Art. #65, pp. 655-664	2020
43	Critical Factors Affecting the Choice of Logistics Service Provider: An Empirical Study in Vietnam	2	Corresponding author	Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN:0145–0150	SCOPUS, ESCI		Vol. 8, No 4 2021	2021
Bài báo trong tạp chí quốc tế (tiếng Anh)								
44	Trapezoidal Fuzzy AHP and Fuzzy Comprehensive Evaluation Approaches for Evaluating Academic Library Service	3	First author	WSEAS Transactions on Computers ISSN: 1109-2750 E-ISSN: 2224-2880 http://www.wseas.us/journal/pdf/computers/2015/b205705-783.pdf		10	14, 607-619	2015
45	The impact of cross-cultural adaptation on job satisfaction with national policy as a moderator - based on Vietnamese workers as an example	4		International Journal of Economics and Research ISSN: 2229-6158 https://www.ijeronline.com/Vol9issue2.php	EconLit - American Economic Association		5-21	2018
Bài báo trong tạp chí trong nước (viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt)								
46	Xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu suất thực hiện công việc (KPI) cho công tác đánh giá	3	X	Tạp chí Công thương ISSN: 0866-7756			số 23 - Tháng 9/2020	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
	giảng viên Trường Đại học Đại Nam							
47	What affects on the entrepreneurial self-efficacy of students in china and viet nam?	1	X	REVIEW of FINANCE Tạp chí Tài chính) ISSN: 2615 - 8973			Issue 1, 2021, 45-48	2021
48	Nghiên cứu ứng dụng cây quyết định trong dự báo hành vi lựa chọn sản phẩm dệt may nội địa	1	X	Tạp chí Công thương ISSN: 0866-7756			số 6 tháng 3/2021, 222-227	2021
49	Understanding Customer Behaviour by Analysing Customer Data: An Application of Machine Learning Techniques in Predicting Vietnamese Customer Churn in Telecom Industry	1	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			Số tháng 4/2021,120-122	2021
Bài báo trong kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế (viết bằng tiếng Anh)								
50	Integrating managerial preferences into the assessment by the fuzzy AHP/DEA approach: A case application in the assessment of university performance	2	First author	The sixth Vietnam Economist Annual Meeting VEAM 2013 DEPOCEN, Working Paper Series No. 2014/03 http://veam.org/the-previous-meetings/workshop-2013/workshop-2013/ http://depocenwp.org/upload/pubs/2014/05_Do%20Quang%20Hung_%20manuscript%20for%20Veam%202014.pdf		2		2014
51	The Impact of Cross-cultural Perspectives on Job Satisfaction with National Policy as a Mediator - Based on Vietnamese Workers as an Example	4		International Conference on Current Research in the field of Social Sciences, Strategic Management and Applied Sciences ISBN: 978-969-670-826-1				2017
52	Forecasting Daily Electricity Load by Wavelet Neural Networks Optimized by Cuckoo Search Algorithm	2		2017 6th IIAI International Congress on Advanced Applied Informatics (IIAI-AAI) ISBN: 978-1-5386-0621-6 https://ieeexplore.ieee.org/document/8113359 DOI: 10.1109/IIAI-AAI.2017.89	SCOPUS	3	835-840	2017
53	Forecasting Crude Oil Price based on Mutual Information Technique and ANFIS	4	First author	Proceedings of ISSAT International Conference on Data Science in Business,			40-45	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Năm công bố
	Trained by Biogeography-Based Optimization (BBO) Algorithm			Finance and Industry (DSBFI 2019) ISBN 978-0-9910576-6-5				

** Số trích dẫn theo Google Scholar*

(https://scholar.google.com/citations?user=XgdZFFwAAAAJ&hl=en) truy cập ngày 16/06/2021.

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 27

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....
.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....
.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ....
.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Quang Hưng